

Thứ năm, ngày 1 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Duy trì đà tăng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 02/08/2019		•	
Tuần 29/7-2/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Giống như những ngày trước, VN-Index có diễn biến giằng co vào đầu phiên sáng trước khi bật tăng mạnh mẽ nhờ lực kéo của nhóm các cổ phiếu trụ cột như VIC, VHM, VNM. Trong phiên chiều, bộ đôi nhà Vin tiếp tục giữ vai trò nâng đỡ chỉ số, nới rộng đà tăng của VN-Index. Thị trường có phiên giao dịch tích cực với thanh khoản cải thiện chủ yếu nhờ thông tin Fed quyết định cắt giảm 0.25% lãi suất xuống còn 2 – 2.5%. Thừa hưởng diễn biến khả quan này, **VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục kiểm tra lại ngưỡng tâm lý 1,000 điểm trong những phiên giao dịch tới đây.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Kết thúc phiên, hầu hết các hợp đồng đều giảm nhẹ so với giá đóng cửa phiên trước đó. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán ở quanh ngưỡng giá 882-883 điểm với các hợp đồng ngắn hạn và nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 891 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 01/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ. Các chỉ báo kỹ thuật đang cho thấy xu hướng tích lũy trong trung hạn ở hầu hết các chứng khoán cơ sở. Lực mua có thể giảm dần trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_BDS & Khu công nghiệp +1.4%.

Danh mục BDS & Khu công nghiệp hôm nay tăng +1.9% - vượt trội so với mức tăng +0.6% của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục Bảo hiểm & Chứng khoán giảm nhẹ -0.4%, do tâm lý thận trọng của thị trường chung.

Phân tích kỹ thuật: KDH_Bứt phá (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **+5.73 điểm**, đóng cửa 997.39. HNX-Index **-0.55 điểm**, đóng cửa 103.88.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.41); VHM (+2.32); VNM (+0.51); SAB (+0.47); NVL (+0.42)**
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.44); CTG (-0.37); HVN (-0.18); PLX (-0.17); POW (-0.13)**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,892.63 tỷ đồng**, **+6.92%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.51 điểm. Thị trường có **149** mã tăng và **155** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **99.43 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VJC (27.18 tỷ), STB (20.57 tỷ) và VNM (17.01 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **4.74 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **997.39**Giá trị: 2892.63 tỷ **5.73 (0.58%)**

Khối ngoại (ròng): -99.43 tỷ

HNX-INDEX **103.88**Giá trị: 293.81 tỷ **-0.55 (-0.53%)**

Khối ngoại (ròng): -4.74 tỷ

UPCOM-INDEX **58.84**Giá trị: 488.31 tỷ **-0.05 (-0.08%)**

Khối ngoại(ròng): 1.11 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.9	-1.11%
Giá vàng	1,407	-0.51%
Tỷ giá USD/VND	23,203	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,637	-0.93%
Tỷ giá JPY/VND	21,283	-0.30%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	5.51%
LS TPCP 5 năm	3.5%	0.71%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	76.0	PVT	16.0
DGW	29.9	HPG	15.4
KBC	21.3	HDB	9.7
MSN	16.5	PVD	8.0
VJC	16.1	VNM	7.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
i-INVEST	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp +1.4%

Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
BDS & Khu công nghiệp	1.9%	0.5%	1.2%	0.8%	6.1%	3.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.0%	0.3%	3.3%	1.1%	11.5%	5.7%
Chiến tranh thương mại	0.7%	-3.3%	-3.9%	-0.7%	2.3%	13.5%
Xây dựng	0.7%	-2.3%	-0.7%	-1.4%	-4.3%	-11.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.6%	0.2%	3.2%	4.2%	7.6%	9.6%
Vật liệu Xây dựng	0.4%	-2.4%	1.5%	-1.4%	10.1%	8.8%
Hàng tiêu dùng	0.3%	-0.2%	2.5%	2.4%	8.3%	11.9%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.1%	-2.4%	-0.2%	-4.8%	3.4%	-4.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	-2.0%	-2.0%	1.2%	7.9%	20.7%
Dầu khí	-0.1%	0.5%	1.4%	0.8%	16.7%	17.9%
Ngân hàng	-0.2%	-1.2%	5.3%	1.6%	5.9%	2.4%
Nước & Năng lượng	-0.3%	-2.3%	-2.4%	-0.9%	6.7%	18.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	-2.9%	-1.8%	-3.8%	3.0%	-0.3%

VNINDEX	0.6%	0.2%	3.7%	2.4%	9.8%	4.7%
VN30INDEX	0.5%	-0.3%	1.3%	-0.7%	3.2%	-6.0%

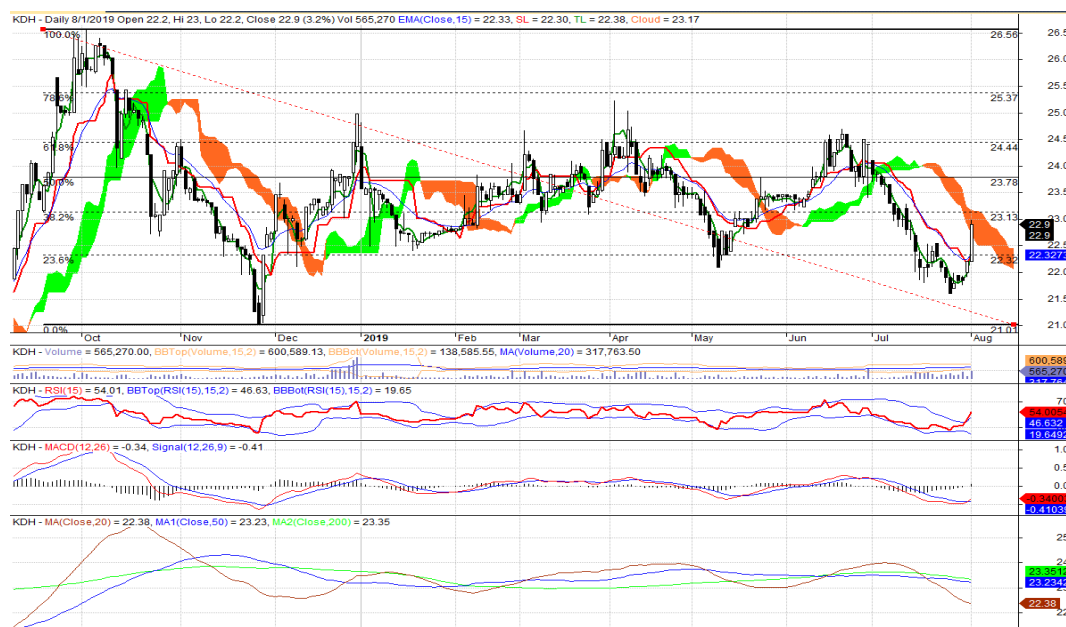
Phân tích kỹ thuật

KDH_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, RSI phá kênh Bollinger trên.
- Đường MA: 3 đường MA nằm trong xu hướng giảm.

Nhận định: Cổ phiếu KDH đang nằm trong xu hướng hồi phục sau khi chạm ngưỡng đáy 21.6. Thanh khoản tăng mạnh đồng thuận với nhịp tăng của bước giá trong hai phiên gần nhất và đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đang có dấu hiệu cắt lên dài mây ichimoku, báo hiệu xu hướng tăng trong trung hạn cũng đang dần được xác lập. Như vậy, KDH sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 24.5-25 trong các phiên giao dịch tới.

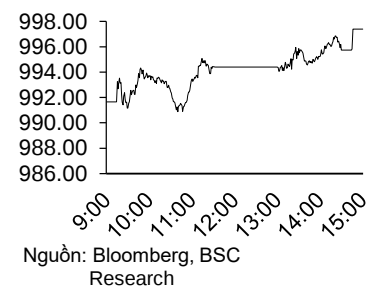


Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

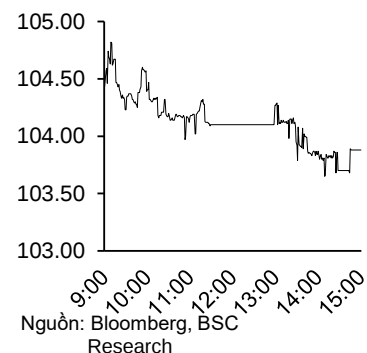
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Y tế	-0.94%
Dầu khí	-0.82%
Điện, nước & xăng dầu khí c	-0.76%
Du lịch và Giải trí	-0.61%
Ô tô và phụ tùng	-0.49%
Dịch vụ tài chính	-0.32%
Ngân hàng	-0.22%
Công nghệ Thông tin	-0.14%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.01%
Tài nguyên Cơ bản	0.15%
Bảo hiểm	0.23%
Hóa chất	0.63%
Thực phẩm và đồ uống	0.65%
Xây dựng và Vật liệu	0.71%
Truyền thông	1.15%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.37%
Bán lẻ	1.68%
Bất động sản	1.99%

Nguồn: FiiPro

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 01/08/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 31/07	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	57.57	-0.90%	3.04%	-2.56%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.03	-1.24%	1.38%	-1.55%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.84	-3.17%	-0.89%	-4.77%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1411.30	-1.54%	-0.96%	2.02%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.23	-2.26%	-2.09%	7.32%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	859.78	-1.96%	-3.53%	-2.93%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	485.78	-2.11%	-2.41%	-5.49%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.25	-1.43%	-0.92%	6.02%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	216.80	-3.90%	-5.70%	-7.03%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	12.21	0.49%	1.24%	-2.86%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.87	0.00%	13.89%	20.08%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	98.45	-1.06%	-1.34%	-9.53%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5.66	-0.46%	-1.69%	-0.79%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	4084.00	0.81%	0.86%	6.08%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1803.00	-0.44%	-0.72%	0.50%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	118.00	0.00%	-0.84%	0.00%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	74.35	-0.20%	-0.76%	7.01%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2019 đóng cửa ngày 31/7 tăng 0.45 USD lên 65.17 USD/thùng, tính chung tháng 7 tăng 2.1%. Dầu thô Tây Texas WTI cùng kỳ hạn tăng 0.53 USD lên 58.58 USD/thùng, tính chung cả tháng tăng 0.2%.
- Giá dầu tiếp tục tăng sau khi số liệu từ Mỹ cho thấy tồn trữ của nước này giảm nhiều hơn dự đoán và Cục Dự trữ liên bang (Fed) hạ lãi suất lần đầu tiên trong vòng hơn một thập kỷ.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.8% xuống 1,417 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2019 của Mỹ đóng cửa giảm 0.8% xuống 1,418.30 USD/ounce. Hy vọng Fed tăng lãi suất đã khiến vàng tăng giá trong nhiều phiên vừa qua để kết thúc một tháng tăng 0,6%.
- Giá vàng giảm trong phiên vừa qua sau khi Fed hạ lãi suất đúng như dự đoán và triển vọng cơ quan tài chính Mỹ sẽ giữ thái độ "ôn hòa" trong các quyết định sắp tới của mình.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên vào cuối phiên giảm 0,1% xuống 763 CNY/tấn, mặc dù đầu phiên có lúc đạt 789,5 CNY, cao nhất trong vòng hơn 5 năm.
- Tính chung cả tháng 7/2019, giá quặng sắt tăng tháng thứ 8 liên tiếp bởi nhà đầu tư lo ngại nguồn cung sẽ yếu trong nhiều tháng tới.

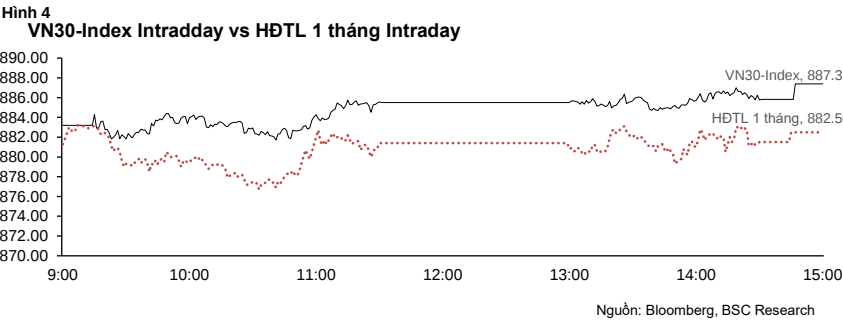
Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2019 kết thúc phiên tăng 0.15 US cent tương đương 0.2% lên 99.65 USD/lb. Nguyên nhân bởi đồng real Brazil mạnh lên và dự báo nước này sẽ có sương giá. Tuy nhiên tính chung cả tháng 7/2019, arabica giảm 7,9%, là tháng giảm thứ 4 trong năm nay. Tuy nhiên, xu hướng giảm có thể sắp kết thúc vì giá thấp kéo dài trong thời gian qua đã bắt đầu khiến sản lượng giảm. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9/2019 giảm 16 USD tương đương 1.2% xuống 1,338 USD/tấn.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 31/7/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 0.9 JPY tương đương 0.5% xuống 177 JPY (1.63 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 tăng 85 CNY lên 10,636 CNY /tấn.
- Giá cao su trên sàn Tokyo tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 2 tuần giữa bối cảnh nhà đầu tư lo ngại Indonesia và Malaysia có thể tăng xuất khẩu sau một thời gian kiểm chế.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	882.50	-0.28%	-4.89	35.8%	125727	8/15/2019	14
VN30F1909	883.50	-0.32%	-3.89	11.1%	420	9/19/2019	49
VN30F1912	888.80	-0.13%	1.41	-11.9%	52	12/19/2019	140
VN30F2003	888.90	0.07%	1.51	-29.4%	24	3/19/2020	231

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 4.20 điểm lên mức 887.39 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VHM, NVL, MWG, và VNM tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 đang vận động tích lũy trong vùng giá 880-890 điểm.
- Các HDTL có diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Kết thúc phiên, hầu hết các hợp đồng đều giảm nhẹ so với giá đóng cửa phiên trước đó. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F1908 các hợp đồng còn lại đều đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều đang giảm. Điều này phản ánh xu hướng tích lũy kéo dài của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán ở quanh ngưỡng giá 882-883 điểm với các hợp đồng ngắn hạn và nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 891 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	Độ lệch chuẩn
CHPG1904	SSI	9/30/2019	60	1:1	42,540	10.5%	29.96%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	151	1:1	26,130	70.9%	29.96%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	132	5:1	256,750	-37.0%	29.96%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	58	1:1	34,340	-77.1%	21.30%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	42	2:1	9,450	-79.5%	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	40	5:1	198,030	332.9%	22.75%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	151	5:1	220,850	207.9%	20.87%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	151	1:1	32,050	143.7%	20.87%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	40	2:1	49,660	49.1%	29.96%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	138	1:1	34,630	-41.5%	21.30%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	151	1:1	73,470	48.3%	18.93%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	39	4:1	54,690	-33.7%	20.87%
CMWG1902	VND	12/11/2019	132	4:1	41,480	-58.8%	20.87%
CFPT1901	VND	9/11/2019	41	2:1	44,570	-10.8%	18.93%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	60	1:1	40,220	-53.5%	18.93%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	134	10:1	241,550	79.5%	22.20%

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 01/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- CPNJ1901 và CMWG1903 tăng giá nhiều nhất lần lượt là 8.96% và 7.86%. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ 1.14%, CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 18% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết, và có sự phân hóa về trạng thái. CMWG1904 và CMWG1901 đang là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. CMWG1901 và CMWG1902 đang là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Các chỉ báo kỹ thuật đang cho thấy xu hướng tích lũy trong trung hạn ở hầu hết các chứng khoán cơ sở. Lực mua có thể giảm dần trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	124.40	1.97	1.44
VHM	90.50	2.61	1.15
MWG	108.50	1.59	0.70
NVL	59.20	2.60	0.70
VNM	124.20	0.81	0.66

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
STB	10.5	-1.87	-0.49
EIB	17.7	-1.39	-0.37
MBB	22.0	-0.90	-0.36
VJC	133.0	-0.30	-0.15
CTG	20.4	-1.69	-0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
2,200	1,780	-1.66%	949
3,300	3,110	-4.01%	1,712
1,000	550	3.77%	0
1,900	2,560	-1.16%	1,670
1,500	910	0.00%	354
1,700	2,310	8.96%	452
2,700	4,530	7.86%	3,226
14,000	24,010	4.30%	20,603
1,200	1,040	0.97%	405
3,200	3,120	-4.88%	1,451
6,000	6,790	-0.73%	4,250
2,000	5,230	3.56%	5,162
2,990	5,730	3.62%	5,075
1,900	2,900	0.00%	1,875
3,800	4,650	0.00%	3,180
1,200	960	1.05%	35

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	108,500
CHPG1901	47,999	22,900	22,600
CHPG1902	168,888	41,999	22,600
CHPG1903	22,100	23,200	22,600
CMBB1901	23,700	20,600	22,000
CMBB1902	26,300	21,800	22,000
CMWG1902	48,990	90,000	108,500
CPNJ1901	26,300	77,981	78,200
CVNM1901	47,200	158,888	124,200
CFPT1902	96,981	46,000	48,350
CFPT1903	57,000	46,000	48,350
CHPG1904	98,800	23,100	22,600
CHPG1905	93,300	23,100	22,600
CMWG1903	25,800	95,000	108,500
CMWG1904	165,000	90,000	108,500
CFPT1901	27,000	45,000	48,350

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	108.5	1.6%	0.7	2,088	4.1	7,893	13.7	4.6	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	78.2	1.8%	1.0	757	2.4	4,727	16.5	4.3	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	84.2	0.2%	1.3	2,566	0.5	1,503	56.0	3.8	25.7%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	36.4	1.1%	0.7	366	0.1	3,025	12.0	1.3	51.2%	10.6%
VIC	Bất động sản	124.4	2.0%	1.1	18,097	2.0	1,673	74.4	5.1	15.0%	8.3%
VRE	Bất động sản	37.0	0.1%	1.1	3,746	1.5	1,033	35.8	3.0	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.2	2.6%	0.8	2,395	1.2	3,579	16.5	2.7	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	33.3	1.7%	1.1	449	0.8	5,261	6.3	1.1	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	17.7	1.7%	1.4	268	0.5	3,744	4.7	1.1	48.5%	27.0%
SSI	Chứng khoán	23.3	0.4%	1.3	516	0.4	1,997	11.7	1.3	58.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	33.3	-0.9%	1.0	236	0.1	5,067	6.6	1.5	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.3	-0.2%	1.4	283	0.4	1,434	14.8	1.5	57.0%	11.1%
FPT	Công nghệ	48.4	-0.1%	0.8	1,426	2.0	4,349	11.1	2.5	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	40.3	0.8%	0.4	436	0.0	3,778	10.7	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	108.3	-0.7%	1.5	9,012	1.1	6,019	18.0	4.6	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	65.0	-0.8%	1.5	3,309	1.5	3,412	19.0	3.4	13.0%	18.2%
PVS	Dầu khí	22.2	-0.9%	1.7	461	1.5	2,351	9.4	0.9	24.1%	9.8%
BSR	Dầu khí	11.0	0.9%	0.8	1,483	0.3	1,163	9.5	1.1	41.1%	11.0%
DHG	Dược	96.5	-2.5%	0.5	549	0.3	4,602	21.0	4.1	54.2%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.4	-0.3%	0.7	244	0.2	838	17.1	0.7	20.2%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.3	-0.8%	0.7	190	0.0	894	9.2	0.7	2.6%	7.6%
VCB	Ngân hàng	80.5	0.4%	1.3	12,981	1.9	4,730	17.0	3.9	23.9%	25.4%
BID	Ngân hàng	35.5	-0.1%	1.5	5,269	1.1	2,107	16.8	2.2	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.4	-1.7%	1.6	3,302	2.5	1,470	13.9	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	18.5	-0.3%	1.2	1,976	0.6	2,965	6.2	1.2	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.0	-0.9%	1.1	2,022	1.9	3,215	6.8	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.5	-1.3%	1.1	1,586	1.9	3,438	6.5	1.5	34.3%	26.4%
BMP	Nhựa	48.7	0.4%	0.9	173	0.2	5,040	9.7	1.6	76.5%	17.2%
NTP	Nhựa	39.3	0.8%	0.4	152	0.0	4,490	8.8	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	17.1	2.4%	1.2	669	0.0	732	23.4	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.6	0.2%	1.0	2,713	5.8	2,898	7.8	1.4	38.6%	19.9%
HSG	Thép	7.3	-0.4%	1.5	135	0.3	425	17.2	0.5	17.7%	1.8%
VNM	Tiêu dùng	124.2	0.8%	0.7	9,403	2.7	5,465	22.7	7.6	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	281.5	0.9%	0.8	7,849	0.2	6,735	41.8	10.3	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	80.1	0.1%	1.2	4,071	1.3	3,304	24.2	3.0	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.8	0.6%	0.6	382	1.1	542	30.9	1.5	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	83.2	0.0%	0.8	7,875	0.3	2,630	31.6	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	133.0	-0.3%	1.1	3,132	5.1	9,850	13.5	5.1	20.3%	43.3%
HAV	Vận tải	41.2	-1.1%	1.7	2,541	0.9	1,747	23.6	3.2	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	25.7	-1.5%	0.8	332	0.7	1,888	13.6	1.2	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	18.5	0.8%	0.7	226	0.9	2,505	7.4	1.3	31.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	81.1	6.2%	0.9	553	2.5	7,458	10.9	4.3	2.7%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	-1.3%	0.9	372	0.3	1,333	14.3	1.3	13.0%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.7	-0.6%	0.8	260	0.0	1,657	9.5	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	112.0	-0.9%	0.7	372	0.3	13,465	8.3	1.1	49.0%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.3	0.4%	1.2	505	0.4	1,307	20.1	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.8	-0.5%	0.4	235	0.8	485	45.0	1.1	53.0%	1.7%
POW	Điện	13.9	-1.4%	0.6	1,415	0.7	820	16.9	1.3	15.0%	7.8%
NT2	Điện	25.3	-0.8%	0.6	317	0.1	2,241	11.3	1.8	22.5%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	124.40	1.97	2.37	365850.00
VHM	90.50	2.61	2.28	913610.00
VNM	124.20	0.81	0.52	502790.00
SAB	281.50	0.90	0.47	16600.00
NVL	59.20	2.60	0.41	463230.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	81.10	6.15	0.16	727500.00
CTX	37.80	9.88	0.02	2600.00
L14	57.90	3.39	0.02	98000.00
IDV	37.00	5.71	0.02	20200.00
PVI	36.40	1.11	0.02	72300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	108.30	-0.73	-0.45	235090.00
CTG	20.40	-1.69	-0.39	2.81MLN
PLX	65.00	-0.76	-0.19	525830.00
HVN	41.20	-1.08	-0.19	487820.00
POW	13.90	-1.42	-0.14	1.12MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.50	-1.32	-0.51	1.90MLN
DGC	31.10	-2.81	-0.07	323900.00
SHS	8.60	-4.44	-0.06	705800.00
PVS	22.20	-0.89	-0.05	1.52MLN
NVB	7.70	-1.28	-0.03	138800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAB	9.49	6.99	0.00	253790.00
KSB	21.45	6.98	0.02	536400.00
TLG	64.50	6.97	0.09	23100.00
D2D	84.50	6.96	0.02	432760.00
EMC	12.30	6.96	0.00	110.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
D11	18.70	10.0	0.01	36700.00
LDP	27.50	10.0	0.00	300.00
RCL	23.30	9.9	0.01	100.00
CTX	37.80	9.9	0.02	2600.00
QHD	18.20	9.6	0.01	1600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	18.60	-7.00	-0.01	10.00
YBM	10.05	-6.94	0.00	688130.00
GMC	30.20	-6.93	-0.01	51930.00
L10	18.90	-6.90	0.00	10.00
VID	5.05	-6.83	0.00	2110.00

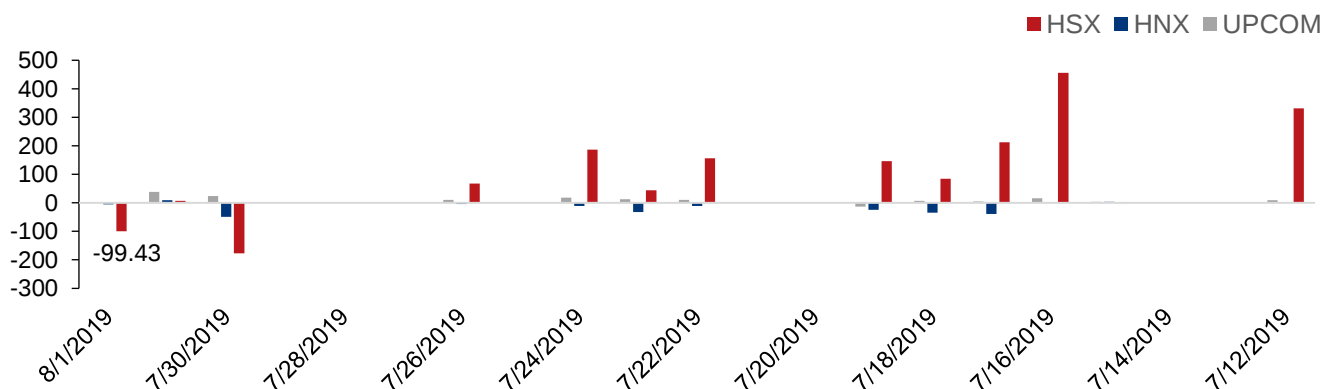
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.80	-11.11	0.00	32900.00
DST	0.90	-10.00	0.00	49900.00
NST	15.30	-10.00	-0.01	100.00
VHE	19.80	-10.00	-0.01	19900.00
MDC	7.30	-9.88	-0.01	3500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Philosophy và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giảm co, toàn tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Philosophy sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Philosophy từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

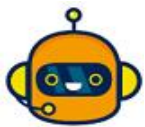
STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	60.2	5,276	11.4	3.2	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	27.4	4,286	6.4	0.9	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.5	3,438	6.5	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	19.0	3,754	5.1	1.4	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	7.3	425	17.2	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		49.9	4,314	11.6	3.4	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	80.1	3,304	24.2	3.0	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	155.1	7,716	20.1	10.4	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	25.7	1,888	13.6	1.2	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	108.5	7,893	13.7	4.6	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	31.0	3,751	8.3	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	8.1	1,433	5.7	0.5	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	89.3	18,452	4.8	1.8	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	19.3	1,294	14.9	1.5	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.6	3,481	5.3	1.2	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	17.5	2,655	6.6	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	48.4	4,349	11.1	2.5	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	22.9	3,149	7.3	1.1	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	37.3	8,518	4.4	2.2	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	22.7	2,589	8.8	1.6	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TLG 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 58515 ; Giá tại Publish 54000 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TLG với giá mục tiêu 58,515 VND/cp, upside 4.5% với phương pháp định giá P/E. Chúng tôi đánh giá, TLG là cổ phiếu ổn định, cổ tức đều hàng năm cũng như không biến động nhiều về LN. BSC dự báo TLG sẽ ghi nhận DTT và LNST lần lượt đạt mức 3,255 tỷ VND (+13% yoy) và 330 tỷ VND (+12.1% yoy), EPS 2019 (đã trừ 5% quỹ KTPL) = 4,433 VND/cp.
Express BMI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 30100 ; Giá tại Publish 24000 BSC dự báo, BMI sẽ ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm đạt mức 3,214 tỷ VND (+1% yoy), LNST = 179 tỷ VND (+10% yoy), BVPS 2019 = 25,104 VND/cp. Định hướng của BMI Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm xe cao (45%). Bảo hiểm sức khỏe: kế hoạch tăng trưởng 10%-12%/năm. Đầu tư Tập trung vào tiền gửi lãi suất sao (8%-8.4%), cao hơn nhiều so với kinh doanh trái phiếu.
Express STB 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 14700 ; Giá tại Publish 11300 BSC dự báo STB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 13,227 tỷ VND (+13.3% yoy) và 2,574 tỷ VND (+14.6% yoy), BVPS 2019 = 14,699 VND/cp. STB là cổ phiếu có thể mua và nắm giữ trong dài hạn nhờ (1) sự tích cực trong việc xử lý nợ xấu, (2) quy mô lớn, có sự phục hồi về LN.
Express PVI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 40010 ; Giá tại Publish 37400 BSC dự báo, cho cả năm 2019, PVI sẽ ghi nhận DTT về hoạt động bảo hiểm và LNTT đạt mức 6,305 tỷ VND (+10.9% yoy) và 644 tỷ VND (+17% yoy). KQKD quý 2Q2019 tăng trưởng ấn tượng. Trong 2Q2019, PVI đã ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm và LNTT đạt mức 901 tỷ VND (-0.7% yoy) và 288 tỷ VND (+187.6% yoy).



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
BDS & Khu công nghiệp	1.9%	0.5%	1.2%	0.8%	6.1%	3.1%	46.0%	104.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.0%	0.3%	3.3%	1.1%	11.5%	5.7%	92.3%	152.8%
Chiến tranh thương mại	0.7%	-3.3%	-3.9%	-0.7%	2.3%	13.5%	16.4%	129.4%
Xây dựng	0.7%	-2.3%	-0.7%	-1.4%	-4.3%	-11.2%	28.2%	84.9%
Nước & Năng lượng	-0.3%	-2.3%	-2.4%	-0.9%	6.7%	18.1%	58.4%	107.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	-2.9%	-1.8%	-3.8%	3.0%	-0.3%	49.1%	89.1%
* Note	Danh mục BDS & Khu công nghiệp hôm nay tăng +1.9% - vượt trội so với mức tăng +0.6% của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục Bảo hiểm & Chứng khoán giảm nhẹ -0.4%, do tâm lý thận trọng của thị trường chung.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 6	0.8%	-0.2%	5.2%	7.7%	18.0%	17.5%	102.8%	195.6%
Danh mục 17	0.8%	-0.1%	3.8%	3.2%	10.5%	23.9%	146.8%	263.5%
Danh mục 16	0.8%	0.0%	3.6%	4.7%	7.5%	7.6%	69.5%	169.5%
Danh mục 9	-0.3%	-0.9%	2.6%	2.3%	6.8%	12.9%	52.7%	133.6%
Danh mục 14	-0.4%	-1.3%	0.0%	-1.4%	4.7%	3.4%	37.7%	49.3%
* Note	Nhìn chung tất cả các danh mục đầu tư theo Mục tiêu đều có hiệu suất tháng khả quan.							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	0.8%	-1.2%	5.4%	10.0%	25.3%	41.9%	190.3%	255.3%
Danh mục 23	0.6%	-1.0%	2.4%	-0.2%	7.1%	12.9%	124.3%	211.8%
Danh mục 19	0.5%	0.1%	3.8%	3.9%	9.8%	9.3%	55.6%	126.4%
Danh mục 22	0.1%	-0.4%	4.7%	4.8%	11.5%	4.4%	61.8%	173.8%
Danh mục 24	0.0%	-1.6%	4.9%	4.5%	14.7%	11.0%	67.7%	194.0%
* Note	Đa số các danh mục đầu tư theo Rủi ro đều có mức hiệu suất tháng tích cực.							
INDEX								
VNINDEX	0.6%	0.2%	3.7%	2.4%	9.8%	4.7%	53.8%	67.9%
VN30INDEX	0.5%	-0.3%	1.7%	-0.9%	3.2%	-5.5%	39.7%	39.7%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

